

Tiến sĩ TRƯƠNG THỊ HỒNG  
Trường Đại Học Kinh Tế  
Tp. Hồ Chí Minh

LÝ THUYẾT & BÀI TẬP

# KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

( Theo hệ thống tài khoản mới áp dụng từ ngày 01/01/2005 ).

NHA XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

## LỜI NÓI ĐẦU



Sách lý thuyết và bài tập kế toán Ngân hàng được soạn thảo theo chương trình học của sinh viên khối Tài chính- Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung sách được trình bày chủ yếu ở lĩnh vực kế toán Ngân hàng Thương mại. Trong những phần có liên quan đến Kế toán tại Ngân hàng Nhà nước, sách cũng có đề cập đến nhưng không quá chi tiết, tránh sự nhầm lẫn về số hiệu tài khoản của hệ thống Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Thương mại.

Kết cấu quyển sách gồm 2 phần: Lý thuyết và bài tập.

Ngoài ra sách còn có phần phụ lục Hệ thống tài khoản Kế toán áp dụng tại các Ngân hàng từ ngày 1/1/2005.

Hy vọng rằng quyển sách này đáp ứng một phần tài liệu học tập cho sinh viên ở một số Trường đại học, Trung học, là tài liệu tham khảo, nghiên cứu cho những người thích tìm hiểu về lĩnh vực Kế toán Ngân hàng.

Tác giả đã cố gắng trình bày đơn giản, dễ hiểu nhưng sự sai sót trong sách là điều không thể tránh khỏi, rất mong sự góp ý chân thành của người đọc.

TÁC GIẢ

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lý thuyết và bài tập Kế toán Ngân hàng*, Thạc sĩ Trương Thị Hồng, Nhà xuất bản Thống kê, năm 1999.
2. *Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN* ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng.
3. *Các văn bản quy phạm pháp luật khác* có liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các Tổ chức tín dụng hiện hành.

# MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG		
V. Đối tượng, mục tiêu, vị trí của Kế toán Ngân hàng .....	1	
VI. Đặc điểm của Kế toán Ngân hàng .....	5	
VII. Chứng từ Kế toán Ngân hàng .....	6	
VIII. Hệ thống tài khoản, Bảng cân đối tài khoản và Bảng cân đối kế toán		
D. Hệ thống tài khoản .....	11	
E. Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh) .....	17	
F. Bảng cân kế toán .....	19	
VI. Hình thức kế toán .....	26	
<i>Bài tập ứng dụng</i> .....	30	
CHƯƠNG II: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN .....		33
VI. Ý nghĩa công tác huy động vốn .....	33	
VII. Nguồn vốn huy động .....	33	
VIII. Phương pháp hạch toán huy động vốn bằng đồng Việt Nam .....	35	
IX. Phương pháp hạch toán huy động vốn bằng vàng .....	44	
X. Phương pháp hạch toán huy động vốn bằng đồng Việt Nam đảm bảo theo giá vàng .....	45	
<i>Bài tập ứng dụng</i> .....	47	
CHƯƠNG III: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG, NGHIỆP VỤ CHO THUÊ TÀI CHÍNH .....		49

I. Ý nghĩa, nhiệm vụ kế toán cho vay .....	49
II. Tổ chức kế toán cho vay .....	50
III. Kế toán cho vay ngắn hạn theo món (cho vay thông thường) .....	51
IV. Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá .....	57
V. Cho vay trả góp .....	60
VI. Cho vay thuê mua (Tin dụng thuê mua).....	64
VII. Cho vay trung, dài hạn theo dự án .....	70
VIII. Nghiệp vụ cho vay uỷ thác .....	70
IX. Nghiệp vụ cho vay đồng tài trợ .....	72
X. Cho vay bằng vàng.....	74
<i>Bài tập ứng dụng</i> .....	77
<b>CHƯƠNG IV: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG ( THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT).....</b>	<b>79</b>
I. Ý nghĩa, nguyên tắc thanh toán qua Ngân hàng .....	79
II. Tài khoản sử dụng .....	80
III. Phương pháp hạch toán .....	83
A. Thanh toán bằng séc .....	83
B. Thanh toán bằng Ủy nhiệm chi .....	91
C. Thanh toán bằng Ủy nhiệm thu .....	95
D. Thanh toán bằng Thư tín dụng .....	98
E. Thanh toán bằng Thẻ thanh toán .....	101
<i>Bài tập ứng dụng</i> .....	105

CHƯƠNG V: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN VỐN GIỮA CÁC NGÂN HÀNG ..... 108

A. Thanh toán nội bộ trong từng hệ thống ngân hàng ..... 109

I. Những quy định chung về chuyển tiền điện tử ..... 109

II. Xử lý và hạch toán lệnh chuyển tiền điện tử ..... 111

B. Thanh toán bù trừ ..... 114

I. Tổng quát về thanh toán bù trừ ..... 114

II. Tài khoản sử dụng và chứng từ thanh toán bù trừ ..... 115

III. Phương pháp hạch toán ..... 117

C. Thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước ..... 120

*Trích Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.*

CHƯƠNG VI: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CÔNG CỤ LAO ĐỘNG TRONG NGÂN HÀNG ..... 137

A. Kế toán TSCĐ ..... 137

I. Khái niệm, phân loại và tài khoản sử dụng ..... 137

II. Phương pháp hạch toán ..... 142

B. Kế toán Công cụ lao động ..... 151

I. Tổng quát ..... 151

II. Phương pháp hạch toán ..... 153

C. Kế toán xây dựng cơ bản ..... 155

I. Tài khoản sử dụng ..... 155

II. Phương pháp hạch toán ..... 156

*Bài tập ứng dụng* ..... 159

CHƯƠNG VII: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI TỆ VÀNG BẠC VÀ THANH TOÁN QUỐC TẾ ..... 161

- I. Tổng quát về kế toán ngoại tệ ..... 161
- II. Phương pháp hạch toán nghiệp vụ Kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ khác ..... 165
- III. Kế toán nghiệp vụ Kinh doanh vàng bạc ..... 167
- IV. Kế toán nghiệp vụ Thanh toán quốc tế ..... 170
- V. Kế toán nghiệp vụ công cụ tài chính phái sinh ..... 173

*Bài tập ứng dụng* ..... 181

CHƯƠNG VIII: KẾ TOÁN THU NHẬP, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG ..... 184

- I. Nội dung các khoản thu nhập và chi phí của Ngân hàng ..... 184
- II. Kế toán thu nhập ..... 187
- III. Kế toán chi phí ..... 188
- IV. Kế toán nghiệp vụ đầu tư chứng khoán ..... 190
- V. Kế toán thuế giá trị gia tăng ..... 193
- VI. Kế toán kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận ..... 200

*Bài tập ứng dụng* ..... 206

PHẦN BÀI TẬP TỔNG HỢP ..... 210

PHỤ LỤC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN ..... 234

# CHƯƠNG I

## NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN

### VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

---

Kế toán ngân hàng (KTNH) nói chung bao gồm kế toán tại các Tổ chức tín dụng (TCTD) và tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Tuy nhiên thông thường nói đến KTNH người ta hay tập trung nói về kế toán tại các TCTD mà trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến kế toán tại các Ngân hàng thương mại. KTNH có vai trò đặc biệt trong việc cung cấp các số liệu, phản ánh toàn bộ diễn biến hoạt động kinh tế và nhờ vậy nó có thể kiểm tra tình hình huy động và sử dụng vốn của Ngân hàng, về việc sử dụng vốn của các đơn vị kinh tế có hiệu quả hay không. Cho nên KTNH là công cụ để quản lý các nghiệp vụ Ngân hàng và hoạt động của nền kinh tế.

#### I. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU, VỊ TRÍ CỦA KTNH.

##### 1. Khái niệm.

KTNH là một công cụ để tính toán, ghi chép bằng con số phản ánh và giám đốc toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ thuộc ngành Ngân hàng.

##### 2. Đối tượng của kế toán Ngân hàng.

Đối tượng của KTNH là sử dụng thước đo bằng tiền để phản ánh nguồn vốn, cơ cấu hình thành các nguồn vốn và việc sử dụng vốn trong các hoạt động của Ngân hàng.

##### *a> Nguồn vốn.*

Nguồn vốn của Ngân hàng (NH) được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau từ lúc thành lập đến suốt cả quá trình hoạt động.

- *Vốn tự có và coi như tự có* bao gồm:

+ *Vốn điều lệ*: Là số vốn riêng của từng NH, được ghi vào điều lệ hoạt động của mỗi NH. Tùy theo từng thời kỳ khác nhau mà vốn điều lệ được hình thành ở mỗi loại hình TCTD khác nhau dựa trên vốn pháp định do NHNN quy định. Vốn



pháp định là số vốn tối thiểu cần phải có do luật pháp quy định để thành lập một doanh nghiệp hay một NH.

Ví dụ: Vốn pháp định cho Ngân hàng thương mại cổ phần thành thị tại Thành phố Hồ Chí Minh là 70 tỷ VND, tại các thành phố khác là 50 tỷ VND ...

+ Quỹ dự trữ: Là loại quỹ được trích lập từ lợi nhuận ròng của NH nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ của NH. Theo quy định hiện nay thì các NH phải trích 5% lợi nhuận ròng để trích lập loại quỹ này. Lợi nhuận ròng là lợi nhuận sau khi lấy tổng thu nhập trừ tổng chi phí và tất cả các loại thuế phải nộp cho Ngân sách, số lợi nhuận còn lại là lợi nhuận ròng. Nếu gọi P là lợi nhuận, ta có:

$$P_{\text{(Trước thuế)}} = \sum \text{Thu nhập} - \sum \text{Chi phí.}$$

$$\text{Thuế thu nhập} = P_{\text{(Trước thuế)}} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập (28\%)}$$

$$P_{\text{(Sau thuế, ròng)}} = P_{\text{(Trước thuế)}} - \text{Thuế thu nhập}$$

+ Các loại quỹ của NH: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ nghiên cứu đào tạo, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ để mua sắm TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi ...

+ Lãi chưa phân phối (chưa chia) cũng được xem như vốn coi như tự có của NH.

+ Vốn cố định: Đối với các NH quốc doanh vốn cố định do Ngân sách Nhà nước cấp phát. Đây là nguồn vốn xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định.

- Vốn quản lý và huy động: Đây là nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong NH, thể hiện dưới nhiều dạng:

+ Số dư trên các tài khoản tiền gửi thanh toán.

+ Số dư trên các tài khoản tiết kiệm.

+ Vốn trong thanh toán.

+ Vốn thu được từ việc phát hành kỳ phiếu, trái phiếu NH ...

- Các loại vốn khác: Vốn tiếp nhận, ủy thác ...

### b> Sử dụng vốn.

Sau khi hình thành nguồn vốn, NH sử dụng vốn vào các mục đích sau đây:

- Chi phí để mua sắm tài sản cố định, phương tiện làm việc.